TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** THÀNH PHỐ CẦN THƠ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/9/2020
V/v: Xin ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có **:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuân
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Long
2. Ông Nguyễn Ngọc Giang

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Văn Ban, là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, xét xử công khai vụ án thụ lý số 154/2020/TLST-HNGĐ ngày 28/7/2020 về việc "xin ly hôn và nuôi con chung". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Đỗ Thị Hồng T, sinh năm: 1979
HKTT: ấp Nh.Ph, xã Nh.A, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ
Bị đơn: ông Trần Văn L sinh năm: 1979
HKTT: ấp Nh. Th, xã Nh.A, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.
(Bà T có mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2020, nội dung bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn Đỗ Thị Hồng T trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa: bà Đỗ Thị Hồng T và ông Trần Văn L xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nh. A, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ vào năm 2003. Thời gian đầu sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc có 01 con chung. Tuy nhiên thời gian sau cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến và không tự giải quyết được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông L.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trần Tấn Th (nam), sinh ngày 21/4/2004. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung vì từ khi ông bà sống ly thân đến nay thì con chung do bà T trực tiếp nuôi dưỡng nên bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: không có

Phía bị đơn ông Trần Văn L: Trong quá trình giải quyết Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông L đến Toà án để ông L trình bày quan điểm của ông và hòa giải đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Tươi nhưng ông L vắng mặt không lí do nên vụ việc không tiến hành hòa giải được.

Vụ án được đưa ra xét xử. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L nhưng ông Lvẫn vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Đỗ Thị Hồng T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Trần Văn L nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đỗ Thị Hồng T và ông Trần Văn L tiến tới hôn nhân năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nh.A, huyện Châu Thành A, tỉnh Cần Thơ (cũ) nên Hội đồng xét xử xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay bà T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Ông L đăng ký thường trú tại ấp Nh.Th, xã Nh.A, huyện Phong Điền nên thuộc thẩm quyền giải quyết nên Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân: Do không ghi nhận được ý kiến của ông L nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bà T cung cấp xác định: Bà T và ông L tự nguyện tiến tới hôn nhân, thời gian đầu ông, bà chung sống với nhau hạnh phúc, có con chung. Sau đó thì phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông L không chăm lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con dẫn đến mâu thuẩn và không thể hàn gắn được, ông bà đã ly thân từ năm 2004 cho đến nay. Sau khi nhận được hồ sơ xin ly hôn của nguyên đơn, Tòa án đã tạo điều kiện các

bên hòa giải nhưng bị đơn không đến tham dự các phiên hòa giải chứng tỏ rằng bị đơn không còn tha thiết gì về cuộc hôn nhân này. Bà T đã xác định không còn tình cảm với ông L. Xét quan hệ vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống, yêu thương, quan tâm nhau nhưng tình trạng hôn nhân của bà Tươi, ông Lum không thể tiếp tục duy trì đời sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đã sống ly thân thời gian dài nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có cơ sở.

[3] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ mà bà T cung cấp thì ông, bà có 01 con chung tên Trần Tấn Th (nam), sinh ngày 21/4/2004. Nay bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Do trong thời gian sống ly thân con chung sống với bà T và hiện nay nguyện vọng của cháu Th cũng muốn tiếp tục sống với mẹ. Do đó, để tiếp tục ổn định cuộc sống cho cháu Th, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn. Do nguyên đơn không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn xác định không có. Do không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228. Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Đỗ Thị Hồng T

1. *Về quan hệ hôn nhân*: cho bà Đỗ Thị Hồng T được ly hôn với ông Trần Văn L (giấy chứng nhận kết hôn 561KH/2003, quyển số 03 do Uỷ ban nhân dân xã Nh.A, huyện Ch.Th, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 22/12/2003)

2. *Về con chung:* Giao con chung tên Trần Tấn Th (nam), sinh ngày 21/4/2004 cho nguyên đơn Đỗ Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông L không ai có quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

4. *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà Đỗ Thị Hồng T nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số AA/2019/017503 ngày 24/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Trần Thanh Long	*Nguyễn Ngọc Giang*	*Hồ Mỹ Xuân*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Mỹ Xuân

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- THA H. Phong Điền;
- UBND xã Nhơn Ái;
- Lưu HS (2).